

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

T.T.N.  
AN  
A  
H  
H.A.N.S

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Phan Huy Thành	Ủy viên
Ông Lê Văn Huyền	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Ân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Phan Huy Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bốn	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phan Huy Thành**  
**Giám đốc**

Ngày 25 tháng 03 năm 2013





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

## International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3168/2013/BCKT-IFC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

#### Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013 từ trang 4 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Phạm Tiên Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

**Nguyễn Nam Cường**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1950/KTV





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>36.519.919.480</b>	<b>36.525.280.120</b>
<b>I. Tiền và khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.700.294.065</b>	<b>1.060.553.551</b>
1. Tiền	111	V.1	700.294.065	1.060.553.551
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>472.209.400</b>	<b>262.862.200</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.774.152.606	1.774.152.606
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.301.943.206)	(1.511.290.406)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.744.319.925</b>	<b>31.260.533.845</b>
1. Phải thu khách hàng	131		30.056.460.367	29.660.893.541
2. Trả trước cho người bán	132		152.608.322	1.042.180.262
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	667.141.007	557.460.042
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(131.889.771)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.034.427.383</b>	<b>1.607.922.846</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1.034.427.383	1.607.922.846
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.568.668.707</b>	<b>2.333.407.678</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		187.042.756	152.211.349
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	2.381.625.951	2.181.196.329
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.126.994.105</b>	<b>4.044.615.601</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.951.994.105</b>	<b>3.094.615.601</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.951.994.105	3.094.615.601
- Nguyên giá	222		8.714.007.351	8.460.452.083
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.762.013.246)	(5.365.836.482)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.175.000.000</b>	<b>950.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	2.500.000.000	2.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.325.000.000)	(1.550.000.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>40.646.913.585</b>	<b>40.569.895.721</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>26.195.178.117</b>	<b>25.768.521.799</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>26.195.178.117</b>	<b>25.768.521.799</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	1.452.801.612	-
2. Phải trả người bán	312		6.826.545.736	4.934.339.891
3. Người mua trả tiền trước	313		354.836.653	512.551.550
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	3.102.566.017	3.208.607.262
5. Phải trả người lao động	315		7.149.049.428	10.042.453.604
6. Chi phí phải trả	316	V.10	543.681.066	1.290.612.664
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.104.604.927	1.006.276.377
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.12	5.116.266.659	4.109.999.160
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		544.826.019	663.681.291
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.451.735.468</b>	<b>14.801.373.922</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>14.451.735.468</b>	<b>14.801.373.922</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.828.754.870	2.828.754.870
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		383.788.361	248.209.419
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		959.192.237	1.444.409.633
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>40.646.913.585</b>	<b>40.569.895.721</b>



**Phan Huy Thành**  
Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2013

**Nguyễn Thế Tam**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thế Tam**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	35.138.985.091	38.236.868.494
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		35.138.985.091	38.236.868.494
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.166.829.369	31.396.254.764
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.972.155.722	6.840.613.730
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	278.766.398	259.626.164
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	(247.517.249)	2.050.760.174
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		186.829.951	353.510.522
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.284.980.643	3.907.014.302
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.213.458.726	1.142.465.418
9. Thu nhập khác	31		711.286.610	939.352.280
10. Chi phí khác	32		393.854.311	296.993.114
11. Lợi nhuận khác	40		317.432.299	642.359.166
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.530.891.025	1.784.824.584
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	321.371.646	340.414.951
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.209.519.379	1.444.409.633
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.177	1.457



Phan Huy Thành  
Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thế Tam  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Tam  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	38.422.793.816	34.726.359.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(14.122.466.706)	(23.673.936.368)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.723.381.463)	(8.136.056.508)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(186.829.951)	(353.510.522)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(390.100.927)	(409.976.240)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.670.419.844	4.486.187.111
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(14.620.988.884)	(4.030.297.151)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>49.445.729</b>	<b>2.608.769.899</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(496.756.911)	(85.960.001)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	16.757.000	17.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	253.221.193	259.626.164
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(226.778.718)</b>	<b>190.938.890</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	1.233.370.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.552.896.872	2.724.929.490
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.100.095.260)	(4.634.972.576)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(635.728.109)	(1.628.393.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>817.073.503</b>	<b>(2.305.066.486)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>639.740.514</b>	<b>494.642.303</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.060.553.551</b>	<b>565.911.248</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.700.294.065</b>	<b>1.060.553.551</b>



Phan Huy Thành  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thế Tam  
Kê toán trưởng

Nguyễn Thế Tam  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp cơ điện trực thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - VNECO) được cổ phần hoá theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900574674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2003 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 07 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 10.280.000.000 đồng (mười tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng), tổng số cổ phần là 1.028.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn pháp định là 6 tỷ đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; phá dỡ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xây dựng công trình công ích; chuẩn bị mặt bằng; cho thuê xe có động cơ;
- Sản xuất máy chuyên dụng; xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa thiết bị điện;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; và
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 108 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 150 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay dài hạn.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền quý.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 05

**Các khoản Đầu tư chứng khoán**

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản Đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản Đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	482.214	805.706.546
Tiền gửi ngân hàng	699.811.851	254.847.005
<b>Cộng</b>	<b>700.294.065</b>	<b>1.060.553.551</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	87.400	1.773.000.754	87.400	1.773.000.754
Công ty CP Xây dựng điện VNECO9	86	1.151.852	86	1.151.852
<b>Cộng</b>		<b>1.774.152.606</b>		<b>1.774.152.606</b>

**3. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	510.491.126	458.972.230
Phải thu khác	156.649.881	98.487.812
<b>Cộng</b>	<b>667.141.007</b>	<b>557.460.042</b>

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	117.612.278	459.218.126
Công cụ, dụng cụ	33.932.474	31.773.960
Chi phí SXKD dở dang	882.882.631	1.116.786.718
Thành phẩm	-	144.042
<b>Cộng</b>	<b>1.034.427.383</b>	<b>1.607.922.846</b>

123  
T'  
M HỮ  
OÁN  
À I C  
T'  
1-T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	2.381.625.951	2.181.196.329
<b>Cộng</b>	<b>2.381.625.951</b>	<b>2.181.196.329</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	2.459.222.381	2.516.489.253	3.372.777.306	111.963.143	8.460.452.083
Mua trong năm	-	382.640.580	17.394.091	54.067.273	454.101.944
Thanh lý, nhượng bán	15.000.000	63.900.000	45.147.956	76.498.720	200.546.676
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>2.444.222.381</b>	<b>2.835.229.833</b>	<b>3.345.023.441</b>	<b>89.531.696</b>	<b>8.714.007.351</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	1.537.907.666	2.261.041.816	1.462.639.474	104.247.526	5.365.836.482
Khấu hao trong năm	68.236.483	139.935.368	368.542.574	12.660.383	589.374.808
Thanh lý, nhượng bán	15.000.000	63.622.075	38.077.249	76.498.720	193.198.044
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.591.144.149</b>	<b>2.337.355.109</b>	<b>1.793.104.799</b>	<b>40.409.189</b>	<b>5.762.013.246</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2012	921.314.715	255.447.437	1.910.137.832	7.715.617	3.094.615.601
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>853.078.232</b>	<b>497.874.724</b>	<b>1.551.918.642</b>	<b>49.122.507</b>	<b>2.951.994.105</b>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.038.542.050 đồng (năm 2011 là 2.378.382.918 đồng).

Giá trị còn lại của máy móc, thiết bị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.494.373.984 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**7. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Công ty CP Sông Ba	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>2.500.000.000</b>		<b>2.500.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**8. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn bằng Việt Nam đồng</b>	<b>1.452.801.612</b>	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	1.452.801.612	-
<b>Cộng</b>	<b>1.452.801.612</b>	-

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo hợp đồng tín dụng số 959/NHNT ngày 20 tháng 11 năm 2012. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất là 11,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán chi phí phục vụ thi công gói thầu số 05 thuộc dự án “Đường dây 220 KV đầu nối Nhà máy thủy điện Bản Chát”. Bảo đảm tiền vay bằng 3 hợp đồng thế chấp: hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 360TC8 ngày 29 tháng 09 năm 2008 và phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 31 tháng 12 năm 2010, hợp đồng thế chấp tài sản số 787TC10 ngày 31 tháng 12 năm 2010 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/787TC10/NHNT ngày 13 tháng 10 năm 2011, hợp đồng thế chấp tài sản số 226TC9 ngày 08 tháng 06 năm 2009 và phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.149.942.452	1.911.782.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	899.660.674	928.289.028
Thuế thu nhập cá nhân	35.320.508	4.932.070
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	6.991.283	363.604.000
<b>Cộng</b>	<b>3.102.566.017</b>	<b>3.208.607.262</b>

**10. Chi phí phải trả**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	60.000.000	-
Trích trước chi phí các công trình	483.681.066	1.290.612.664
<b>Cộng</b>	<b>543.681.066</b>	<b>1.290.612.664</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	105.018.060	105.018.060
Kinh phí công đoàn	323.102.386	350.109.010
Bảo hiểm xã hội	48.226.279	123.169.752
Bảo hiểm y tế	13.782.122	31.538.717
Bảo hiểm thất nghiệp	15.232.910	13.331.448
Các khoản phải trả, phải nộp khác	599.243.170	383.109.390
<i>Trong đó:</i>		
- Cổ tức phải trả	98.614.000	98.614.000
- Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	70.210.745	94.826.810
- Phải trả khác	430.418.425	189.668.580
<b>Cộng</b>	<b>1.104.604.927</b>	<b>1.006.276.377</b>

**12. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí bảo hành sản phẩm	5.116.266.659	4.109.999.160
<b>Cộng</b>	<b>5.116.266.659</b>	<b>4.109.999.160</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>9.046.630.000</b>	<b>1.852.063.515</b>	<b>94.969.139</b>	<b>3.064.805.595</b>	<b>14.058.468.249</b>
Tăng vốn trong năm	1.233.370.000	-	-	-	1.233.370.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.444.409.633	1.444.409.633
Phân phối lợi nhuận	-	976.691.355	153.240.280	(3.064.805.595)	(1.934.873.960)
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>10.280.000.000</b>	<b>2.828.754.870</b>	<b>248.209.419</b>	<b>1.444.409.633</b>	<b>14.801.373.922</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.209.519.379	1.209.519.379
Chia cổ tức	-	-	-	(1.387.161.923)	(1.387.161.923)
Phân phối lợi nhuận {i}	-	-	135.578.942	(135.578.942)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(171.995.910)	(171.995.910)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>10.280.000.000</b>	<b>2.828.754.870</b>	<b>383.788.361</b>	<b>959.192.237</b>	<b>14.451.735.468</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

{i} Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2012/NQ-VNECO4-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2012. Theo đó công ty trích cổ tức là 81,85% lợi nhuận chưa phân phối (tương đương 1.387.161.923 đồng), trích quỹ khen thưởng 5,15% lợi nhuận chưa phân phối (tương đương 87.259.071 đồng), trích quỹ phúc lợi 5% lợi nhuận chưa phân phối (tương đương 84.736.839 đồng), trích quỹ dự phòng tài chính 8% lợi nhuận chưa phân phối (tương đương 135.578.942 đồng).

**b. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	1.028.000	1.028.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.028.000	1.028.000
+ Cổ phần thường	1.028.000	1.028.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	-	-
+ Cổ phần thường	1.028.000	1.028.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ 1 cổ phần.

**14. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây dựng và bộ phận cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, doanh thu của các bộ phận trừ bộ phận kinh doanh chính là xây dựng chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả Công ty (chi tiết trong thuyết minh số VI.1 và VI.2). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa	31.372.952	718.529.678
Doanh thu hợp đồng xây dựng	34.914.248.501	37.518.338.816
Doanh thu cung cấp dịch vụ	193.363.638	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>35.138.985.091</b>	<b>38.236.868.494</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	23.226.995	688.949.908
Giá vốn hợp đồng xây dựng	32.143.602.374	30.707.304.856
<b>Cộng</b>	<b>32.166.829.369</b>	<b>31.396.254.764</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	153.766.398	145.751.364
Cổ tức, lợi nhuận được chia	125.000.000	113.874.800
<b>Cộng</b>	<b>278.766.398</b>	<b>259.626.164</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	186.829.951	353.510.522
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	514.024.200	1.697.249.652
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(948.371.400)	-
<b>Cộng</b>	<b>(247.517.249)</b>	<b>2.050.760.174</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.530.891.025</b>	<b>1.784.824.584</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>238.733.496</b>	<b>160.403.707</b>
Trừ: Thu nhập từ nhận cổ tức	(125.000.000)	(113.874.800)
Cộng: Chi phí không hợp lý, hợp lệ	363.733.496	274.278.507
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.769.624.521</b>	<b>1.945.228.291</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>442.406.130</b>	<b>486.307.073</b>
Giảm thuế theo Thông tư 140/2012/TT-BTC	121.034.484	145.892.122
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>321.371.646</b>	<b>340.414.951</b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>1.209.519.379</b>	<b>1.444.409.633</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.209.519.379</b>	<b>1.444.409.633</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.028.000	991.190
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.177</b>	<b>1.457</b>

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.315.763.279	6.831.252.977
Chi phí nhân công	12.710.036.152	16.137.221.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	569.724.808	612.220.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.299.254.793	8.737.914.599
Chi phí khác	2.450.794.043	3.135.958.573
<b>Tổng</b>	<b>34.345.573.075</b>	<b>35.454.568.952</b>

011  
CỔ  
CH H  
ÊM  
VÀI  
QU  
01



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

**Các loại công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.700.294.065	1.060.553.551
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.723.601.374	30.218.353.583
Đầu tư ngắn hạn	1.774.152.606	1.774.152.606
<b>Cộng</b>	<b>34.198.048.045</b>	<b>33.053.059.740</b>

**Công nợ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản vay	1.452.801.612	-
Phải trả người bán và phải trả khác	7.931.150.663	5.940.616.268
Chi phí phải trả	543.681.066	1.290.612.664
<b>Cộng</b>	<b>9.927.633.341</b>	<b>7.231.228.932</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

23  
T  
HỮ  
ÁN  
C  
TÉ  
- T



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Sau 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	7.931.150.663	-	-	7.931.150.663
Chi phí phải trả	543.681.066	-	-	543.681.066
Các khoản vay	1.452.801.612	-	-	1.452.801.612
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	5.940.616.268	-	-	5.940.616.268
Chi phí phải trả	1.290.612.664	-	-	1.290.612.664
Các khoản vay	-	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

## 1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

## Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tại 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.723.601.374	-	-	30.723.601.374
Đầu tư ngắn hạn	1.774.152.606	-	-	1.774.152.606
Tại 01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.218.353.583	-	-	30.218.353.583
Đầu tư ngắn hạn	1.774.152.606	-	-	1.774.152.606

## 2. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

## 3. Thông tin về bên liên quan

*Thu nhập của Ban Giám đốc:*

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương	296.036.422	186.921.944
Tiền thưởng	31.800.000	19.800.000
Các khoản phụ cấp khác	36.000.000	36.000.000
<b>Tổng</b>	<b>363.836.422</b>	<b>242.721.944</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**

*Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:*

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Doanh thu</b>		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	4.749.203.443	6.368.771.911
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	226.596.055	-
<b>Cổ tức</b>		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	751.433.814	858.207.600
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	6.305.735.246	7.214.691.339
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	1.417.456.954	1.173.302.293
Công ty CP Xây dựng điện VNECO5	730.889.228	850.947.018
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	70.210.745	94.826.810
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	1.039.429.020	869.883.074
Công ty CP Xây dựng điện VNECO3	10.794.582	454.559.763
Công ty CP Xây dựng điện VNECO5	2.694.107.073	-
<b>Trả trước người bán</b>		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO5	-	(1.008.026.714)

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Tài chính Quốc tế.



**Phan Huy Thành**  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

**Nguyễn Thế Tam**  
Kê toán trưởng

**Nguyễn Thế Tam**  
Người lập